

Bản án số: 612/2022/HC-PT

Ngày: 12 - 8 - 2022

V/v Khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 và 12 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 632/2019/TLPT-HC ngày 01 tháng 11 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2019/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1023/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Lê Châu C, sinh năm: 1948 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện T2, tỉnh Ninh Thuận;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Đức H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2, tỉnh Ninh Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2019) (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Đỗ Thanh L, sinh năm 1967 – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T2, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị NLQ1, sinh năm: 1950 (vắng mặt);
2. Ông Lê Châu NLQ2, sinh năm: 1975 (vắng mặt);
3. Bà Lê Thị Thùy NLQ3, sinh năm: 1977 (vắng mặt);
4. Bà Lê Thị Thu NLQ4, sinh năm: 1979 (vắng mặt);
5. Bà Lê Thị Ngọc NLQ5, sinh năm: 1982 (vắng mặt);
6. Bà Lê Thị Bích NLQ6, sinh năm: 1983 (vắng mặt);
7. Bà Lê Thị Ngọc NLQ7, sinh năm: 1985 (vắng mặt);
8. Ông Lê Châu NLQ8, sinh năm: 1988 (vắng mặt);
9. Bà Lê Thị Xuân NLQ9, sinh năm: 1989 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Ninh Thuận.

10. Ông Lê Châu NLQ10, sinh năm: 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Châu C, sinh năm: 1948 (Văn bản ủy quyền ngày 18/4/2019) (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Ninh Thuận.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Lê Châu C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau

Người khởi kiện ông Lê Châu C trình bày:

Gia đình ông được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T2 giao 927.700m² đất thửa đất số 153, tờ bản đồ số 17-3 thuộc khu vực Núi Một, thôn Ninh Bình, thị trấn T1, huyện T2. Trước đó hộ gia đình ông đã sử dụng thửa đất trên từ năm 1996, trong thời gian nhận đất đến nay gia đình ông đã liên canh mở rộng thêm thửa đất 153a diện tích 332,3m² liền kề với phần đất được giao.

Trước khi UBND huyện T2 ký quyết định giao đất năm 1998 thì đây là phần đất gia đình ông đã trồng cây đào lộn hột, sau đó mới trồng cây lâu năm các loại chứ không phải là giao đất quản lý, khoán quản đây là đất giao sử dụng theo Nghị định số 02/1994/NĐ-CP. Hiện trạng đất không có bất kỳ văn bản nào xác định phần đất ông đang sử dụng là rừng khoán quản, trên đất bị thu hồi gia đình ông đã trồng 495 cây lâu năm có đường kính trên 10cm các loại cây này là tài sản trồng trên đất nhưng chưa được xem xét bồi thường.

Ngày 20/4/2018 ông nhận được Quyết định số 1108/QĐ-UBND và Quyết định số 1109/QĐ-UBND do chủ tịch UBND huyện T2 ban hành về việc thu hồi diện tích đất 1.650,3m² trong đó thuộc toàn bộ diện tích thửa 153a và một phần thửa 153 tờ bản đồ số 17-3 khu vực Núi Một, thôn Ninh Bình, thị trấn T1, huyện T2.

Vào ngày 27/4/2018 Chủ tịch UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 1249/QĐ-UBND về việc hỗ trợ bồi thường để giải phóng mặt bằng trên phần đất của hộ gia đình ông. Tuy nhiên trong Quyết định bồi thường đối với thửa đất số 153a, tờ bản đồ 17-3 diện tích 332,3m² gia đình ông liên canh cùng một thửa số 153, tờ bản đồ 17-3 lại không được đền bù mà chỉ được hỗ trợ theo diện có công bảo vệ rừng vì cho rằng đất rừng tự nhiên tự khoanh nuôi, ngoài ra đối với phần diện tích 1.348m² bị thu hồi thuộc thửa đất số 153, tờ bản đồ 17-3 thì UBND huyện T2 cho rằng đây là đất rừng sản xuất nên việc đền bù và hỗ trợ cho ông không thỏa đáng.

Ông đã làm đơn khiếu nại đến chủ tịch UBND huyện T2 và nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 2326/QĐ-UBND ngày 31/8/2018. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND huyện T2 không chấp nhận yêu cầu của hộ gia đình ông.

Do đó ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND huyện T2 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Châu C để giải phóng mặt bằng xây dựng Công trình dự án Kênh chính đập dâng Tân Mỹ (thuộc hệ thống thủy lợi Tân Mỹ) đoạn qua địa bàn thị trấn T1, huyện T2.

- Hủy Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện T2 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Châu C thường trú tại Khu phố 4, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Ninh Thuận.

- Yêu cầu UBND huyện T2 bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và hỗ trợ theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 17-3, diện tích thu hồi 1.318m² và thửa số 153a, tờ bản đồ số 17-3, diện tích thu hồi 332,3m².

- Yêu cầu UBND huyện T2 bồi thường cây trồng trên đất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do ông Lê Châu C làm người đại diện theo ủy quyền nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T2 ông Nguyễn Đức H trình bày:

Thực hiện chủ trương của Chính phủ, UBND tỉnh về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án Đập dâng Tân Mỹ (thuộc hệ thống thủy lợi hồ Tân Mỹ), UBND huyện T2 đã ban hành Thông báo số 68/TB-UBND ngày 11/4/2016 và Thông báo số 192/TB-UBND ngày 03/8/2016 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án trên địa bàn 04 xã (gồm: Tuyến đường TC2, D1, lòng hồ đập dâng, tuyến kênh chính trên địa bàn xã Lương Sơn, Quảng Sơn, Mỹ Sơn và thị trấn Tấn Sơn), trong đó có diện tích 494.027,9m² của hộ gia đình ông Lê Châu C đang sử dụng tại thị trấn T1.

Trên cơ sở các thông báo thu hồi đất của UBND huyện T2 và bản tự kê khai hiện trạng đất của ông C; ngày 11/4/2016 và ngày 16/5/2016 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T2 tiến hành kiểm kê hiện trạng sử dụng và các tài sản khác gắn liền với đất trên diện tích thu hồi do hộ gia đình ông C và các con (bà Lê Thị Ngọc NLQ5, bà Lê Thị Bích NLQ6, ông Lê Châu NLQ2...) đang sử dụng. Trong biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất đối với ông C và các con ông C xác định tổng diện tích thu hồi là 494.423,9m² (trong đó: Tuyến đường TC2 là 4.027,2m², tuyến kênh chính là 490.396,7m²).

- Đối với việc ban hành quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 153 và 153a, tờ bản đồ số 17-3, diện tích 1.650,3m² (theo Quyết định số 1108/QĐ-UBND, số 1109/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 và Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND huyện T2) cụ thể như sau:

Diện tích 1.318m² tại thửa 153, tờ bản đồ số 17-3 (thuộc lô 1, 2 Quyết định 31 năm 1998); UBND huyện T2 đã ban hành Quyết định thu hồi số 4433/QĐ-UBND ngày 26/12/2016, số tiền 31.076.050 đồng đã được phê duyệt phương án bồi thường nhưng đang tranh chấp giữa hộ ông Lê Châu C và hộ ông Lê Châu NLQ2, nên năm 2016 UBND huyện chưa ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ.

Diện tích 332,3m² tại thửa 153a, tờ bản đồ số 17-3 (không thuộc phạm vi giao đất theo Quyết định số 31 năm 1998); UBND huyện đã ban hành Quyết định thu hồi số 4434/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 xác định ông Lê Châu C tự khoanh nuôi rừng tự nhiên nên không bồi thường mà chỉ hỗ trợ công bảo vệ rừng. Tuy nhiên thửa đất trên đang tranh chấp giữa hộ ông Lê Châu C và hộ ông Lê Châu NLQ2, nên năm 2016 UBND huyện chưa ban hành quyết định hỗ trợ.

Đến tháng 2/2018 tranh chấp giữa ông C và ông NLQ2 mới giải quyết xong, ông NLQ2 đồng ý để ông C nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất 153 và 153a nói trên.

Trên cơ sở kết quả giải quyết tranh chấp của các cơ quan chức năng, tháng 4 năm 2018, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh T2 – Bắc Ái, phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND huyện T2 ban hành các quyết định thay thế các quyết định thu hồi đất trước đây đối với thửa 153 và thửa 153a, đồng thời ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ..., cụ thể UBND huyện T2 đã ban hành các quyết định:

Quyết định số 1108/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 về việc thu hồi 1.318m² đất của UBND thị trấn T1 quản lý, thuộc thửa đất 153, tờ bản đồ số 17-3, tại thị trấn T1 để thực hiện dự án Kênh chính đập dâng Tân Mỹ (Quyết định này thay thế Quyết định số 4433/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND huyện T2).

Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 về việc thu hồi 332,3m² đất của UBND thị trấn T1 quản lý (do hộ ông Lê Châu C tự khoanh nuôi rừng tự nhiên), thuộc thửa đất 153a, tờ bản đồ số 17-3, tại thị trấn T1 để thực hiện dự án Kênh chính đập dâng Tân Mỹ (Quyết định này thay thế Quyết định số 4434/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND huyện T2).

- Đối với việc ban hành Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Châu C để giải phóng mặt bằng xây dựng Công trình dự án Kênh chính đập dâng Tân Mỹ (thuộc hệ thống thủy lợi Tân Mỹ) đoạn qua địa bàn thị trấn T1, huyện T2.

Kết quả xác minh nguồn gốc, vị trí đối với diện tích 1.650,3m², thuộc thửa đất số 153 và 153a, tờ bản đồ địa chính 17-3, tại thị trấn T1:

Căn cứ bản đồ trích đo khu đất thu hồi tuyến kênh chính Đập dâng Tân Mỹ trên địa bàn thị trấn T1 và kết quả chồng ghép với bản đồ trích đo khu đất giao cho hộ ông Lê Châu C năm 2012 (do Văn phòng đăng ký đất đai huyện T2 xác lập) của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường. Kết quả chồng ghép bản đồ của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh T2 ngày 22/8/2018 (theo biên bản kiểm tra ngày 09/8/2018). Thửa đất số 153 và 152a, tờ bản đồ 17-3, diện tích thu hồi để thực hiện dự án là 1.650,3m², trong đó:

Thửa đất số 153, diện tích 1.318m², thuộc lô số 2 trong phạm vi đất giao cho hộ ông Lê Châu C theo Quyết định số 31/QĐ-KTUB ngày 24/02/1998 của UBND huyện T2 và bản đồ phân lô đất cho hộ ông Lê Châu C năm 2012.

Theo phương án quản lý sử dụng rừng kèm theo Quyết định số 31/QĐ-KTUB, tại lô số 2, hộ ông C thực hiện giữ nguyên những cây gỗ rải rác, trồng thêm cây lâu năm và cây ăn quả, hộ ông C sử dụng đúng mục đích giao đất theo phương án quản lý sử dụng rừng được lập (giữ lại cây rừng).

Thửa đất số 153a, diện tích 332,3m² không thuộc phạm vi đất giao cho hộ ông Lê Châu C theo Quyết định số 31/QĐ-KTUB ngày 24/02/1998 của UBND huyện T2 (đất của UBND thị trấn T1 quản lý, do hộ ông Lê Châu C tự khoanh nuôi rừng tự nhiên).

Hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm kiểm kê (tháng 4/2016) thể hiện là các loại cây rừng tự nhiên (66 cây cẩm xe và 594 cây cà chít, chiều cao khoảng 6m, đường kính từ 12 – 15cm).

Từ những nội dung trên, UBND huyện T2 đã thực hiện việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại cho ông Lê Châu C theo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của ông C là không có cơ sở.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện T2 ông Trần Minh Định trình bày: Ông nhất trí với ý kiến trình bày của ông Nguyễn Đức H tại phiên tòa.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2019/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Châu C về việc:

- Hủy Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND huyện T2 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Châu C để giải phóng mặt bằng xây dựng Công trình dự án Kênh chính đập dâng Tân Mỹ (thuộc hệ thống thủy lợi Tân Mỹ) đoạn qua địa bàn thị trấn T1, huyện T2.

- Hủy Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện T2 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Châu C thường trú tại Khu phố 4, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Ninh Thuận.

- Yêu cầu UBND huyện T2 bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và hỗ trợ theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 17-3, diện tích thu hồi 1.318m² và thửa số 153a, tờ bản đồ số 17-3, diện tích thu hồi 332,3m².

- Yêu cầu UBND huyện T2 bồi thường cây trồng trên đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 8/10/2019, người khởi kiện ông Lê Châu C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm để làm rõ hành vi trách nhiệm của UBND huyện T2 trong việc thực hiện các chính sách về bồi thường hỗ trợ trong thu hồi đất cho ông; tuyên hủy Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND huyện T2 về việc không bồi thường, hỗ trợ cho ông đất bị thu hồi, Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện T2 về việc giải quyết khiếu nại của ông, không đồng ý bồi thường hỗ trợ cho ông khi thu hồi đất.

Ngày 07/10/2019 ông Lê Châu C có đơn xin miễn giảm tiền án phí với lý do là ông thuộc trường hợp người cao tuổi, trên 60 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện ông Lê Châu C, cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông C, sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, với lý do ông C cung cấp những tài liệu mới chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, bao gồm:

Bản án hành chính phúc thẩm số 793/2020/HC-PT ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Châu C; hủy một phần các quyết định về nội dung liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ về đất, về công sức, chi phí đầu tư vào đất và các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật đối với hộ gia đình ông Lê Châu C gồm: Quyết định số 4806/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T2, tỉnh Ninh Thuận đối với diện tích đất 374.035,2m²; Quyết định số 4822/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T2, tỉnh Ninh Thuận đối với diện tích đất 3.854,2m²; Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2, tỉnh Ninh Thuận về việc giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 4086/QĐ-UBND và Quyết định số 4822/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện T2.

Tại Thông báo số 244/TB ngày 16/6/2022, Tòa án nhân dân tối cao trả lời Ủy ban nhân dân huyện T2 về việc không có căn cứ kháng nghị Bản án hành chính phúc thẩm số 793/2020/HC-PT ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục giám đốc thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung của các quyết định bị khởi kiện đều được Ủy ban nhân dân huyện T2 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2 ban hành đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu mà ông C cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm không phải là chứng cứ mới, không liên quan đến vụ án đang xét xử, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông C là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông C, sửa bản án hành chính theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND huyện T2, hủy Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện T2. Bởi lẽ, theo Biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất tháng 4/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T2 thể hiện trên diện tích 1.650,3m² thửa đất số 153 tờ bản đồ số 17-3, hiện trạng sử dụng đất là cây rừng tự nhiên, có 66 cây Căm xe và 594 cây cà chít (đều là cây tự nhiên). Tuy nhiên, chủ sử dụng là ông Lê Châu NLQ2, mà Nhà nước giao đất cho ông C và chính ông NLQ2 cũng thừa nhận đất của ông C. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C xác nhận có trồng một số loại cây trong thời gian sử dụng đất nhưng Biên bản kiểm

kê không thể hiện. Như vậy, dựa vào Biên bản kiểm kê không phù hợp nêu trên, mà UBND huyện T2 ban hành quyết định là không có căn cứ vững chắc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên, xét kháng cáo của ông Lê Châu C, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T2 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2, tỉnh Ninh Thuận có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 20/4/2018, UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 1108/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.318m² đất và Quyết định số 1109/QĐ-UBND về việc thu hồi 332,3m² đất do hộ ông Lê Châu C sử dụng, thuộc thửa số 153,153a, tờ bản đồ địa chính số 17-3, tại thị trấn T1, huyện T2 để thực hiện Dự án Kênh chính đập dâng Tân Mỹ.

Ngày 27/4/2018, UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 1249/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Châu C với tổng số tiền bồi thường là 31.076.050 đồng.

Không đồng ý, ông Lê Châu C khiếu nại. Ngày 31/8/2018, Chủ tịch UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 2326/QĐ-UBND về việc giải quyết với nội dung bác khiếu nại của ông Lê Châu C thường trú tại khu phố 4, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày 28/12/2018, ông Lê Châu C nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T2 và Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2.

Xét Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T2 và Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2 nêu trên, là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm a khoản 3 Điều 116 Tố tụng hành chính 2015.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Châu C khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T2 và Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2 nên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khởi kiện.

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Dự án Kênh chính đập dâng Tân Mỹ được Trung ương hỗ trợ đầu tư và được phê duyệt tại Quyết định số 3088/QĐ-BNN-XD ngày 04/8/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ngày 26/12/2016, UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 4405/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án và kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đợt 2) khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình Dự án Kênh chính đập dâng Tân Mỹ đoạn qua thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày 20/4/2018, UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 1108/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.318m² đất và Quyết định số 1109/QĐ-UBND về việc thu hồi 332,3m² đất do hộ ông Lê Châu C sử dụng, thuộc thửa số 153,153a, tờ bản đồ địa chính số 17-3, tại thị trấn T1, huyện T2 để thực hiện Dự án Kênh chính đập dâng Tân Mỹ.

Ngày 27/4/2018, UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 1249/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Châu C là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

Không đồng ý với quyết định bồi thường, hỗ trợ, ông Lê Châu C khiếu nại. Ngày 31/8/2018, Chủ tịch UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 2326/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Châu C là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại các Điều 18, 28, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung của quyết định:

[2.2.1] Về nguồn gốc đất:

Ngày 16/5/1996, ông Lê Châu C có đơn xin nhận đất lâm nghiệp để sản xuất kinh doanh nông lâm kết hợp. Năm 1997, ông C lập Phương án quản lý sử dụng rừng được Ủy ban nhân dân huyện T2 phê duyệt, chia 92,77 ha đất rừng thành 05 lô rừng sản xuất là các lô 01, có diện tích 1,78 ha đất trồng cây cỏ IA; lô 02, có diện tích 7,68 ha đất trồng cây gỗ rải rác 2IC và lô 3, lô 4, lô 5 có tổng diện tích là 83,31 ha, hiện trạng là rừng non phục hồi IIA, IIB.

Ngày 21/02/1998, Ủy ban nhân dân huyện T2 và ông C ký “Khế ước giao đất có rừng tự nhiên, có thảm thực vật cần bảo vệ thuộc rừng sản xuất” và ngày 24/02/1998, Ủy ban nhân dân huyện T2 ban hành Quyết định số 31/QĐ-KT.UB giao 92,77 ha đất nêu trên cho gia đình ông C để sử dụng với mục đích là đất lâm nghiệp.

Ngày 22/5/2000, ông C có đơn xin phê duyệt Phương án lập vườn rừng kinh tế đối với 92,77 ha đất nêu trên và một phần đất khai hoang thêm, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận xác nhận, thẩm định và ngày 17/5/2001 được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận xác nhận mô hình kinh tế trang trại với diện tích 94,77 ha đất (gồm 92,77 ha đất nêu trên và 02 ha đất gia đình ông C khai hoang thêm).

[2.2.2] Quá trình thu hồi đất

Để thực hiện Dự án Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt, ngày 26/12/2016, Ủy ban nhân dân huyện T2 ban hành Quyết định số 4415/QĐ-UBND về việc thu hồi 173 m² đất trồng cây lâu năm, Quyết định số 4416/QĐ-UBND về việc thu hồi 3.854,2 m² đất rừng sản xuất của gia đình ông C để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Tuyến đường TC2 (thuộc Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ) và Quyết định số 4432/QĐ-UBND về việc thu hồi 374.037,1 m² đất (trong đó có 1,9 m² đất trồng cây lâu năm và 374.035,2 m² đất lâm nghiệp) của gia đình ông C để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Công trình Kênh chính Đập dâng Tân Mỹ (thuộc Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ); đồng thời, ban hành Quyết định số 4393/QĐ-UBND và Quyết định số 4405/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông Lê Châu C và một số hộ dân khác bị thu hồi đất. Việc thu hồi và bồi thường đối với các diện tích đất nêu trên của gia đình ông Lê Châu C đã được giải quyết bằng Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật và Thông báo trả lời đơn số 244/TB ngày 16/6/2022 của Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với diện tích 1.318m² tại thửa 153, tờ bản đồ số 17-3, UBND huyện T2 cũng đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 4433/QĐ-UBND ngày 26/12/2016; Diện tích 332,3m² tại thửa 153a, tờ bản đồ số 17-3, UBND huyện T2 đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 4434/QĐ-UBND ngày 26/12/2016. Tuy nhiên, các thửa đất trên xảy ra tranh chấp giữa hộ ông Lê Châu C và hộ ông Lê Châu NLQ2 (con trai ông C) nên năm 2016, UBND huyện T2 chưa ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ.

Đến tháng 02/2018, tranh chấp giữa ông C và ông NLQ2 mới giải quyết xong, ông NLQ2 đồng ý để ông C nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 153 và 153a nói trên. Trên cơ sở kết quả giải quyết tranh chấp, tháng 4/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất Chi nhánh T2 - Bắc Ái; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T2 đã tham mưu UBND huyện T2 ban hành Quyết định số

1108/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 thay thế cho Quyết định số 4433/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND huyện T2; Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 thay thế cho Quyết định số 4434/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND huyện T2. Đồng thời, UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 1249/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Châu C đối với diện tích đất bị thu hồi nêu trên với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 31.076.050 đồng.

[2.2.3] Xét việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Châu C

- *Đối với việc bồi thường về đất:*

Tại Báo cáo số 121/BC-UBND ngày 20/9/2012 của UBND huyện T2 về kết quả kiểm tra tình hình sử dụng đất lâm nghiệp đã giao cho ông Lê Châu C kết luận: Hộ ông Lê Châu C chưa thực hiện đúng như Phương án nhận đất lâm nghiệp để lập vườn và bảo vệ rừng. Mặt khác, ông C còn phát dọn, chặt cây rừng trên diện tích 323.747 m² mà không xin phép cơ quan có thẩm quyền. Đối chiếu với Khế ước ký kết ngày 21/02/1998 và Phương án do ông C lập, kèm theo Quyết định số 31/QĐKT-UB ngày 24/02/1998, cho thấy ông C đã thực hiện sai nội dung Phương án, nghĩa vụ được giao theo Khế ước và thậm chí còn vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng. Tại Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông C, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2 cũng cho rằng trong quá trình quản lý, sử dụng đất, gia đình ông C có những vi phạm như không thực hiện đúng phương án, khế ước nhận đất lâm nghiệp, sử dụng đất không đúng mục đích nên hộ ông Lê Châu C không đủ điều kiện để được bồi thường theo giá đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất.

Tuy nhiên, các quyết định thu hồi đất đối với gia đình ông Lê Châu C là thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ mà không phải là thu hồi đất với lý do vi phạm pháp luật về đất đai. Ủy ban nhân dân huyện T2 cũng không lập biên bản, không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng đất sai mục đích của ông Lê Châu C. Mặt khác, ngày 22/5/2000, ông C đã có đơn xin phê duyệt Phương án lập vườn rừng kinh tế đối với 92,77 ha đất được giao theo Quyết định số 31/QĐKT-UB ngày 24/02/1998 và một phần đất khai hoang thêm, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận xác nhận, thẩm định và ngày 17/5/2001 được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận xác nhận mô hình kinh tế trang trại với diện tích 94,77 ha đất (gồm 92,77 ha đất nêu trên và 02 ha đất gia đình ông C khai hoang thêm). Như vậy, gia đình ông C có quyền chủ động chuyển mục đích sử dụng đất từ rừng tự nhiên sang mô hình kinh tế trang trại. Ngoài ra, gia đình ông C đã có công sức cải tạo, chi phí đầu tư vào đất là đáng kể nhưng Ủy ban nhân dân huyện T2 bồi thường theo loại đất

rừng sản xuất cho gia đình ông C là không thỏa đáng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông C.

- Về bồi thường cây trồng trên đất:

Như đã phân tích ở trên, thì việc chuyển mục đích sử dụng đất của gia đình ông Lê Châu C là đúng quy định nên ông đủ điều kiện được đền bù cây trồng trên đất khi đất bị thu hồi.

Ủy ban nhân dân huyện T2 và Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng căn cứ theo Biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất tháng 4/2016 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T2 (bút lục 104, 105) thể hiện: Diện tích 1.650,3m² thửa đất số 153 tờ bản đồ số 17-3, hiện trạng sử dụng đất là cây rừng tự nhiên, có 66 cây Căm xe và 594 cây cà chít (đều là cây tự nhiên), đã được chủ sử dụng đất là ông Lê Châu NLQ2 (con trai của ông Lê Châu C) ký xác nhận vào biên bản, các cây trồng này đều là cây tự nhiên nên gia đình ông C không được bồi thường.

Tuy nhiên, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, ông C khẳng định ông có trồng các cây lâu năm trên đất đang bị thu hồi. Đồng thời, theo phương án quản lý sử dụng rừng kèm theo Quyết định số 31/QĐ-KTUB ngày 24/02/1998, tại lô số 2, hộ ông C thực hiện giữ nguyên những cây gỗ rải rác, trồng thêm cây lâu năm và cây ăn quả, hộ ông C sử dụng đúng mục đích giao đất theo phương án quản lý sử dụng rừng được lập (giữ lại cây rừng) và đầu tư trồng thêm cây ăn quả trên đất.

Do đó, quá trình xem xét tính toán bồi thường lại cho hộ ông Lê Châu C, nếu trên đất có cây trồng của gia đình ông C thì Ủy ban nhân dân huyện T2 phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

[2.2.4] Nội dung của quyết định giải quyết khiếu nại:

Xét Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND huyện T2 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Châu C để giải phóng mặt bằng xây dựng Công trình dự án Kênh chính đập dâng Tân Mỹ được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nhưng nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật nên Chủ tịch UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 có nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Lê Châu C và giữ nguyên Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND huyện T2 cũng là không đúng với định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Châu C, sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Châu C, hủy một phần các quyết định có nội dung liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ về đất, về công sức, chi phí đầu tư vào đất và các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật đối với hộ gia đình ông Lê Châu C.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện, ông Lê Châu C không phải chịu do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Ủy ban nhân dân huyện T2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2 phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

[3.2] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Lê Châu C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Châu C; Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Châu C;

1.1. Hủy một phần các quyết định có nội dung liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ về đất, về công sức, chi phí đầu tư vào đất và các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật đối với hộ gia đình ông Lê Châu C bao gồm:

- Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND huyện T2 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Châu C để giải phóng mặt bằng xây dựng Công trình dự án Kênh chính đập dâng Tân Mỹ (thuộc hệ thống thủy lợi Tân Mỹ) đoạn qua địa bàn thị trấn T1, huyện T2.

- Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện T2 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Châu C thường trú tại Khu phố 4, thị trấn T1, huyện T2, tỉnh Ninh Thuận.

1.2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện T2, tỉnh Ninh Thuận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2, tỉnh Ninh Thuận thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định của pháp luật trong việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Lê Châu C đối với diện tích 1.650,3m² đất thu hồi nêu trên.

2. Về án phí hành chính:

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân huyện T2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2, mỗi đương sự phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Lê Châu C không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Lê Châu C số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0017296 ngày 04/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Châu C được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thúy Hồng

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Trần Thị Hòa Hiệp